

Bản án số: 166/2017/HSST

Ngày: 16 – 8 – 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2/ Ông Ngũ Minh Luận;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân, Cán bộ
Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương: Bà
Phạm Thị Nga, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã
Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số
156/2017/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm: 1988 tại Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Xóm Thọ T, xã
Quỳnh T, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Khu phố , phường An , thị xã
Thuận An, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con
ông: Trần Văn T, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị M, sinh năm 1962; tiền sự: 01:
Ngày 29/7/2015 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra
Quyết định số 131/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ
sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam
từ ngày 23/3/2017 cho đến nay.

2. Lê Đình D, sinh năm: 1987 tại Thanh Hóa, sinh năm 1987; nơi
ĐKKHKT: đội , xã Thọ M, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: khu phố
Tân P, phường Tân B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 0/12;
nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Lê Đình H, sinh năm 1964 và bà Lê Thị P, sinh
năm 1967; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày
23/3/2017 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: ấp Hòa L, xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; chỗ ở: Số , khu phố , phường An P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: ấp Hòa L, xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; chỗ ở: Số , khu phố , phường An P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949, nơi ĐKKHKT: ấp Hòa L, xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Lê Đức E, nơi ĐKKHKT: Số khu phố, phường B, quận Bình tân, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phước C, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: ấp Hòa L, xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố , phường An P, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/3/2017, Trần Văn T đi bộ từ phòng trọ của bạn tại khu phố 1B, phường An P, thị xã Thuận An về vòng xoay An P tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang khu nhà trọ số , khu phố , phường An P, thị xã Thuận An thì phát hiện xe mô tô biển số 67D1-3581 của ông Nguyễn Phước L dựng ở hành lang dãy trọ, T vào lén lút lấy xe mô tô biển số 67D1-3581 đẩy ra ngoài đường giật đứt dây điện nguồn, đạp nổ máy xe rồi T gọi điện thoại cho Lê Đình D hỏi đang ở đâu, D trả lời đang ở phòng trọ tại khu phố Tân P, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An. T chạy xe mô tô vừa lấy trộm đến chỗ D, nói với D vừa mới trộm được xe mô tô trên và rủ D quay lại khu nhà trọ của Lành để lấy trộm thêm 01 chiếc xe mô tô nữa, D đồng ý. D điều khiển xe mô tô mà T vừa trộm được chở T quay lại khu nhà trọ nói trên. Đến nơi, D đứng ngoài cảnh giới, còn T vào khu nhà trọ lấy tiếp xe mô tô biển số 51N2-5898 của ông Nguyễn Quốc V, sau đó cùng tẩu thoát thì bị tổ tuần tra Công an phường An P, thị xã Thuận An phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản ngày 24/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: Xe mô tô biển số 67D1-3581 có giá trị là: 2.500.000 đồng và xe mô tô biển số 51N2-5898 có giá trị là: 2.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 179/QĐ-KSĐT ngày 14/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Lê Đình D về tội “Trộm cắp

tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Lê Đình D từ 08 đến 12 tháng tù.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá, lời khai của người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/3/2017, Trần Văn T vào khu nhà trọ số , khu phố , phường An P, thị xã Thuận An lấy trộm 01 xe mô tô biển số 67D1-3581 của ông Lành. Sau đó, T rủ D quay lại khu nhà trọ trên để tiếp tục lấy xe mô tô biển số 67D1-3581 của ông Việt. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, khi T và D đang tẩu thoát thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Hành vi của T 02 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 5.000.000 đồng và hành vi của D 01 lần chiếm đoạt tài sản với giá trị là 2.500.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, các bị cáo đi từ địa phương này đến địa phương khác tìm tài sản trộm cắp, sau khi phát hiện có tài sản,

các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của các bị cáo là cố ý trực tiếp.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu: Ngày 27/7/2011 bị cáo T bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 222/2011/HSST, ngày 29/7/2015 bị cáo T tiếp tục bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 30/9/2010 bị cáo D bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 236/2010/HSST, ngày 24/01/2014 bị cáo D tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 30/2014/HSST. Lẽ ra, các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo Điểm C Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), nhưng theo hướng dẫn tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về các quy định có lợi cho người phạm tội theo Bộ luật Hình sự 2015 nên chỉ xét xử các bị cáo với tình tiết định khung theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, điều đó cũng thể hiện bản chất của các bị cáo rất coi thường pháp luật, khó tu dưỡng, rèn luyện nên cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người nảy sinh ý định, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp lần thứ nhất, bị cáo T rủ rê bị cáo D tham gia giúp sức để thực hiện hành vi trộm cắp lần thứ hai. Khi bị phát hiện bắt giữ, bị cáo T khai họ tên của mình là Lê Văn Quyết nhằm che dấu nhân thân, lai lịch của mình nhằm gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý. Điều đó thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của bị cáo T cao hơn bị cáo D nên phải chịu mức án cao hơn.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng theo Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo D tham gia trộm cắp lần thứ hai nên không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ theo Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông V có mặt tại phiên tòa khai rằng chiếc xe mô tô biển số 51N2-5898 là của anh trai tên Nguyễn Phước C mua của ông Lê Đức E, sau đó ông C cho ông V để sử dụng, ông V đề nghị Tòa án xem xét trả lại chiếc xe nói trên để làm phương tiện đi lại và không yêu cầu gì thêm.

Ông L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67D1-3581 do ông Nguyễn Văn Thuận đứng tên đăng ký, ông Thuận khai đã bán cho ông Lành nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Lành.

- 01 xe mô tô biển số 51N2 - 5898 do ông Lê Đức E đứng tên đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh nhưng ông E không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Ông Châu khai nhận mua xe này của ông E nhưng chưa làm thủ tục sang tên, sau đó ông Châu đã cho ông E của mình là ông Việt sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở nhưng đến nay vẫn không ai đến liên hệ. Do đó cần giao trả chiếc xe này cho ông Việt.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Lê Đình D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Lê Đình D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003;

Giao trả xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu KOZATA, số loại RZ110 (xy lanh 108cm³), biển số 51N2 – 5898, số khung RMCWCH3UM61 001567, số máy VUMYG150FMH 137567 cho ông Nguyễn Quốc V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2017)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2013; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; người liên quan;
- Người bị hại;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Thi